

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế diễn hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*
- Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;*
- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;*
- Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;*
- Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;*
- Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;*
- Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;*
- Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*
- Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;*
- Căn cứ Nghị định số 93/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện;*
- Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*
- Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;*
- Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 29/2022/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai - Phần I. Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về thiết kế;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 17/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về thiết kế Trạm Y tế phường, xã, đặc khu;

Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế và phân cấp thẩm quyền phê duyệt tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 42/2026/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 677/TTr-SXD ngày 10 tháng 9 năm 2026 về Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 – 2030;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.
2. Bãi bỏ Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành thiết kế mẫu, dự toán và hướng dẫn kỹ thuật thi công mặt đường bê tông xi măng.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 7;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- UBNDTTQ VN tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh truyền hình Đắk Lắk;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Các phòng: TH, NC, NNMT, ĐTKT;
- Lưu: VT, CNXD (VTC-10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn

QUY ĐỊNH

Về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế
sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình
mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030 được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý hoặc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, để thống nhất trong quá trình áp dụng, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thiết kế điển hình là hồ sơ thiết kế hoặc giải pháp thiết kế đối với các bộ phận chức năng, chi tiết cấu tạo kiến trúc được nghiên cứu trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật; được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công bố theo quy định của pháp luật để tham khảo, lựa chọn và áp dụng nhiều lần trong việc đầu tư xây dựng công trình.

2. Thiết kế mẫu là hồ sơ thiết kế hoàn chỉnh của một loại công trình hoặc hạng mục công trình được xây dựng trên cơ sở một hoặc nhiều thiết kế điển hình, áp dụng cho công trình có cùng công năng, quy mô và điều kiện xây dựng tương tự.

3. Thiết kế sẵn có là hồ sơ thiết kế đã được lập, thẩm định hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật và đã được áp dụng trên địa bàn tỉnh, có thể tiếp tục sử dụng cho công trình mới.

Điều 4. Nguyên tắc lựa chọn thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có

1. Phù hợp mục tiêu đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với dự án đầu tư xây dựng ở các khu vực không thuộc trường hợp phải lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch chi tiết ngành theo pháp luật về quy hoạch phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án tuyến công trình, vị trí công trình, mặt bằng tổng thể của dự án).
3. Phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, khí hậu, hiện trạng khu vực xây dựng và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.
4. Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được lựa chọn áp dụng, quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật chuyên ngành có liên quan.
5. Bảo đảm tính khả thi về kỹ thuật; an toàn công trình; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.
6. Thuận lợi cho công tác quản lý, khai thác, vận hành và bảo trì công trình.
7. Khai thác hiệu quả hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có; sử dụng hợp lý nguồn lực, tài nguyên tại khu vực.

Chương II

TIÊU CHÍ THIẾT KẾ MẪU, THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH HOẶC ÁP DỤNG THIẾT KẾ SẴN CÓ TẠI ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Điều 5. Tiêu chí chung

1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, cải tạo, sửa chữa công trình thuộc Danh mục loại dự án đặc thù.
2. Bảo đảm khả năng tiếp cận các công trình công cộng của người dân, người khuyết tật theo quy định của pháp luật.
3. Phù hợp với quy mô dân số, đáp ứng nhu cầu và điều kiện phát triển thực tế của từng địa phương.

Điều 6. Đối với loại công trình đường nông thôn

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:
 - a) Bảo đảm khả năng kết nối giao thông đường bộ;
 - b) Phù hợp với cấp kỹ thuật tuyến đường, điều kiện khai thác và hiện trạng tuyến đường;
 - c) Tận dụng hợp lý kết cấu công trình hiện hữu.
2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Đối với xã nhóm 1: Đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế; đường thôn, buôn được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa);

b) Đối với xã nhóm 2: Đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế (gọi tắt là TCVN 10380:2014); bảo đảm có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết như: hệ thống báo hiệu đường bộ (cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ đường, ...), hệ thống thoát nước, hệ thống phòng hộ (tường chắn, hộ lan tại các vị trí đèo dốc, vực sâu, ...), hệ thống chiếu sáng, vỉa hè tại các đoạn qua khu đông dân cư, ...; đường thôn, buôn được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa);

c) Đối với xã nhóm 3: Đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014; đường thôn, buôn được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa).

Điều 7. Đối với loại công trình chợ

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới chợ và truyền thống văn hóa địa phương;

b) Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m².

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Chợ nông thôn được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố; thiết kế bảo đảm phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9211:2012 Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế;

b) Kết cấu nhà chợ chính bảo đảm an toàn, sạch sẽ; nền chợ phải được cứng hóa;

c) Yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình bảo đảm đáp ứng theo các nội dung tiêu chí được quy định tại Mục 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BCT hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 8. Đối với loại công trình văn hóa

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng;

b) Diện tích bảo đảm theo quy định nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

c) Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao;

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao đơn giản khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh bảo đảm môi trường xanh, sạch, đẹp. Có trang thiết bị bảo đảm phục vụ hoạt động văn hóa, nghệ thuật, truyền thông, thể dục, thể thao và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế;

b) Công trình Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, Nhà văn hóa cộng đồng (Nhà sinh hoạt cộng đồng) kết hợp phòng, tránh lũ đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn.

c) Đối với Nhà văn hóa cộng đồng (Nhà sinh hoạt cộng đồng) kết hợp phòng, tránh lũ, phải đáp ứng yêu cầu sử dụng đa mục tiêu, phục vụ cộng đồng và kết hợp phòng, chống thiên tai theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

d) Công trình thư viện công cộng cấp xã phải bảo đảm các điều kiện được quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 93/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện và Mục 2.16.6.3 QCVN 01:2021/BXD.

Điều 9. Đối với loại công trình giáo dục, đào tạo

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương; môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên; có kết nối giao thông thuận lợi cho học sinh đi học; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ;

b) Diện tích khu đất xây dựng trường bảo đảm theo quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT.

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Quy mô đầu tư phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT;

b) Định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 9, khoản 4 Điều 13 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT;

c) Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho các hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và khoản 5 Điều 9, khoản 5 Điều 13 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT.

Điều 10. Đối với loại công trình y tế

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Phù hợp với quy hoạch y tế, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật của địa phương.

b) Ưu tiên bố trí tại vị trí gần trục giao thông chính, khu vực trung tâm hoặc khu vực thuận lợi kết nối giữa các thôn, buôn, tổ dân phố, cụm dân cư để người dân dễ tiếp cận dịch vụ y tế; thuận tiện cho xe cấp cứu, phương tiện phục vụ hoạt động chuyên môn, phương tiện phòng, chống dịch và các phương tiện phục vụ vận hành thường xuyên.

c) Bảo đảm khả năng kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, bao gồm cấp điện, cấp nước, thoát nước, phòng cháy, chữa cháy, thông tin liên lạc, công nghệ thông tin, xử lý chất thải y tế và vệ sinh môi trường.

d) Diện tích khu đất xây dựng phải phù hợp với quy mô hoạt động, nhu cầu sử dụng và các quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế; đồng thời bảo đảm đủ diện tích để bố trí các hạng mục công trình, sân vườn cây xanh, vườn cây thuốc mẫu, giao thông nội bộ, bãi đỗ xe, cổng, tường rào và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động của Trạm Y tế.

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí về cơ sở hạ tầng được quy định tại Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT; các quy định tại Mục 13 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BYT quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế và Thông tư số 23/2026/TT-BYT hướng dẫn về thiết kế Trạm Y tế phường, xã, đặc khu.

Điều 11. Đối với loại công trình điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập internet)

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương;

b) Bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ bưu chính, viễn thông, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số theo quy định của pháp luật.

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng của công trình phải bảo đảm phù hợp với Mục II Hướng dẫn số 3781/HD-BKHCHN hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định có liên quan tại Mục 2.16.6.3 QCVN 01:2021/BXD.

Điều 12. Đối với loại công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Công trình cấp nước sạch tập trung gắn với quản lý, khai thác bền vững, an toàn, hiệu quả sau đầu tư; phù hợp với quy hoạch xã nông thôn mới và các quy hoạch có liên quan, ứng phó với suy thoái nguồn nước, thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu;

b) Ưu tiên công trình tạo nguồn nước cấp cho sinh hoạt vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước;

c) Bảo đảm khai thác, vận hành công trình theo Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành;

d) Đáp ứng yêu cầu cấp nước phục vụ mục đích sinh hoạt với quy mô từ cấp thôn, buôn.

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-1:2023/BXD về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình cấp nước ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 13. Đối với loại công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Sửa chữa, nâng cấp công trình xuống cấp, không bảo đảm an toàn; đầu tư xây dựng công trình mới tại vùng chưa đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu nước; hoàn thiện hệ thống kênh mương bảo đảm tính đồng bộ, khép kín;

b) Xã nhóm 1: Ưu tiên đầu tư kiên cố hóa kênh mương; xây dựng, lắp đặt các thiết bị tự động, giám sát và điều khiển từ xa; thiết bị quan trắc, cảnh báo chất lượng nước; đầu tư hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; hệ thống tưới thông minh phục vụ phát triển nông nghiệp đô thị;

c) Xã nhóm 2: Ưu tiên đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

d) Xã nhóm 3, xã thuộc vùng an toàn khu, biên giới, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu: Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình tích trữ nước quy mô nhỏ, phân tán (ao, hồ, đập dâng), hệ thống dẫn nước tự chảy, công trình trạm bơm nhỏ, phù hợp với địa hình.

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT về Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai - Phần I: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế ban hành kèm theo Thông tư số 29/2022/TT-BNNPTNT và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 14. Đối với loại công trình thoát nước

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Đáp ứng yêu cầu tiêu, thoát nước mưa, hạn chế ngập úng, ứ đọng nước và lầy lội tại khu dân cư và trên các tuyến đường xã, đường thôn; bảo đảm khả năng kết nối, tiêu thoát nước đồng bộ với hệ thống thoát nước hiện có và hướng thoát nước của khu vực;

b) Phù hợp với quy mô, điều kiện khai thác, sử dụng và bảo đảm thuận lợi cho quản lý, vận hành, nạo vét, duy tu và bảo trì công trình.

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-2:2023/BXD về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thoát nước ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD; ưu tiên cải tạo, nâng cấp, khơi thông, hoàn thiện hệ thống thoát nước hiện có; đầu tư xây dựng mới tại những khu vực chưa đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước (khuyến khích theo hướng hệ thống thoát nước kín).

Điều 15. Đối với loại công trình chiếu sáng công cộng

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

a) Bố trí hệ thống chiếu sáng phù hợp với đặc điểm tuyến đường, khu vực được chiếu sáng và điều kiện thực tế; bảo đảm an toàn giao thông, an ninh trong khu dân cư, an toàn cho người sử dụng;

b) Bảo đảm đồng bộ với hệ thống điện, công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có và thuận lợi cho quản lý, vận hành, bảo trì và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-7:2023/BXD về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình chiếu sáng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD; sử dụng thiết bị, giải pháp chiếu sáng tiết kiệm năng lượng (khuyến khích sử dụng thiết bị chiếu sáng năng lượng mặt trời), phù hợp với điều kiện quản lý, vận hành của địa phương.

Điều 16. Đối với loại công trình công viên cây xanh

1. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với các tiêu chí sau:

- a) Phù hợp với vị trí, quy mô, chức năng sử dụng và nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí của cộng đồng dân cư;
- b) Bảo đảm kết nối với hệ thống không gian xanh, công viên, vườn hoa, mặt nước và các không gian công cộng khác theo quy hoạch;
- c) Ưu tiên sử dụng cây xanh bản địa, cây đặc trưng vùng, miền và phù hợp với điều kiện khu vực nông thôn.

2. Giải pháp thiết kế và quy mô đầu tư được lựa chọn áp dụng phải bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 39 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Sở Xây dựng

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện đối với các loại công trình quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Quy định này; chủ trì rà soát, tổng hợp các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan có liên quan theo chức năng quản lý nhà nước của từng lĩnh vực trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản này.

2. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này thuộc phạm vi quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 18. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện đối với các loại công trình quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy định này; chủ trì rà soát, tổng hợp các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan có liên quan theo chức năng quản lý nhà nước của từng lĩnh vực trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản này.

2. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này thuộc phạm vi quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 19. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức lựa chọn và áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có đối với các dự án thuộc Danh mục loại dự án đặc thù bảo đảm đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quy định này.
2. Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng bảo đảm tuân thủ Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện; kịp thời báo cáo Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi quản lý để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án đầu tư xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã được quyết định áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và Mục 9 Nghị quyết số 265/2025/QH15 Kỳ họp thứ X, Quốc hội khóa XV.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được căn cứ, viện dẫn trong Quy định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định của văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.
2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nội dung cần sửa đổi, bổ sung thì các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi quản lý để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định./.